

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định các điều kiện miễn học các học phần Anh văn và chuẩn đầu ra tiếng Anh, Tin học đối với sinh viên đại học hệ chính quy từ khóa 08

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 3479/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục và Trường phòng Đào tạo;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định các điều kiện miễn học các học phần Anh văn và chuẩn đầu ra tiếng Anh, Tin học đối với sinh viên đại học hệ chính quy từ khóa 08 (cố Quy định kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 757/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định học tiếng Anh và chuẩn trình độ tiếng Anh đối với sinh viên đại học hệ chính quy từ khóa 08 trở đi.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch Tài chính, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, các Khoa/Bộ môn, các đơn vị có liên quan và sinh viên đại học hệ chính quy từ khóa 08 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, P. KTĐBCL&TTGD.



Phan Đình Tuấn

QUY ĐỊNH

Về điều kiện miễn học các học phần Anh văn và chuẩn đầu ra tiếng Anh, Tin học đối với sinh viên đại học hệ chính quy từ khóa 08

(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-TĐHTPHCM ngày 06 / 9 / 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định các điều kiện miễn học các học phần Anh văn và chuẩn đầu ra tiếng Anh, Tin học đối với sinh viên (SV) đại học hệ chính quy từ khóa 08.
2. Quy định này áp dụng đối với SV đại học hệ chính quy từ khóa 08 trở đi đang học tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
3. SV đại học hệ chính quy từ khóa 07 trở về trước áp dụng theo Quyết định số 757/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định học Tiếng Anh và chuẩn trình độ Tiếng Anh đối với sinh viên đại học hệ chính quy.

Điều 2. Khối kiến thức ngoại ngữ tiếng Anh bắt buộc

1. Các học phần Anh văn (dạng thức TOEIC) bắt buộc SV phải học trong chương trình đào tạo đại học hệ chính quy gồm hai học phần sau đây:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết
1	11131006	Anh văn 1	3	45
2	11131002	Anh văn 2	3	45

2. SV bắt buộc phải hoàn thành 02 học phần trong chương trình đào tạo, nếu không hoàn thành học phần nào thì phải đăng ký học lại học phần đó.

Điều 3. Tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh

1. Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh giao cho Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục có nhiệm vụ chủ trì và phối hợp cùng với Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Phòng Đào tạo và Bộ môn Ngoại ngữ - Khoa Khoa học đại cương tổ chức kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh cho SV đại học hệ chính quy theo đúng quy định hiện hành.

2. Đối tượng: Đối với SV nhập học đầu khóa có nhu cầu đăng ký kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào theo dạng thức TOEIC để miễn các học phần Anh văn 1 và Anh văn 2.

3. Thời gian thi: Tổ chức một (01) lần vào đầu khóa học (sau thời gian nhập học khoảng 01 tháng).

4. Nội dung thi:

- Cấu trúc đề thi theo dạng thức TOEIC gồm 100 câu (Reading và Listening)
- Thang điểm: 500
- Thời gian làm bài: 60 phút



- Hình thức thi: Trắc nghiệm

Điều 4. Điều kiện miễn học các học phần Anh văn

1. Căn cứ vào kết quả kiểm tra trình độ Tiếng Anh:

Cấu trúc đề thi kiểm tra trình độ tiếng Anh cho sinh viên đại học hệ chính quy từ Khóa 08 trở đi theo dạng thức TOEIC và sử dụng bảng điểm quy đổi từ điểm TOEIC sang thang điểm 10 (Bảng quy đổi điểm đính kèm Quy định này).

a. Sinh viên đạt từ 350 – 395 điểm: được miễn học 01 học phần: Anh văn 1 (lấy điểm kiểm tra quy đổi điểm Anh văn 1).

b. Sinh viên đạt từ 400 – 500 điểm: được miễn học 02 học phần: Anh văn 1 và Anh văn 2 (lấy điểm kiểm tra làm điểm Anh văn 1 và Anh văn 2).

c. Tất cả sinh viên không đăng ký kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào theo dạng thức TOEIC sẽ được xếp vào học học phần Anh văn 1.

2. Căn cứ vào kết quả Chứng chỉ Tiếng Anh

a. Chứng chỉ tiếng Anh:

- Từ Chứng chỉ A2 (Bậc 2/6) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép đủ điều kiện đánh giá năng lực ngoại ngữ.

- Chứng chỉ tiếng Anh do tổ chức quốc tế cấp: từ TOEIC 350 trở lên hoặc các chứng chỉ khác (TOEFL PBT, TOEFL CBT, TOEFL iBT, IELTS) tương đương.

b. Các trường hợp xét miễn và quy đổi điểm:

- Trường hợp xét miễn học trước khi sinh viên được xếp học các học phần bắt buộc Anh văn 1 và Anh văn 2: SV nộp Chứng chỉ tiếng Anh theo thời gian quy định trong Thông báo về tổ chức kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh cho SV đại học hệ chính quy hàng năm.

- Trường hợp quy đổi điểm của các học phần bắt buộc Anh văn 1 và Anh văn 2 **trước học kỳ 1 của năm thứ 3:** Trong quá trình học, SV có Chứng chỉ tiếng Anh còn hiệu lực và nộp sẽ được quy đổi điểm học phần Anh văn 1 và Anh văn 2 tương ứng. Điểm học phần là điểm cao nhất trong các lần học và kết quả quy đổi điểm từ Chứng chỉ tiếng Anh.

- Các trường hợp chứng chỉ tiếng Anh đạt điều kiện như khoản 2, Điều 5 của quy định này thì được xét chuẩn đầu ra tốt nghiệp.

Điều 5. Chuẩn đầu ra tiếng Anh và Tin học để xét tốt nghiệp cho sinh viên

1. Tin học:

- Chứng chỉ Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp, hoặc các đơn vị do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT - BGDĐT - BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016.

- Chứng chỉ tin học quốc tế MOS gồm 03 kỹ năng: Word, Excel, Powerpoint với điểm đạt từ 700 trở lên.

2. Tiếng Anh:

- Chứng nhận Tiếng Anh TOEIC nội bộ 450 điểm trở lên do Trung tâm Ngoại ngữ
- Tin học của trường cấp.

- Chứng chỉ B1 (Bậc 3/6) trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép đủ điều kiện đánh giá năng lực ngoại ngữ.

- Chứng chỉ tiếng Anh do tổ chức quốc tế cấp: từ TOEIC 450 điểm, TOEFL PBT từ 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4.5 điểm trở lên, còn hiệu lực (02 năm tính từ thời điểm được cấp).

Điều 6. Điều khoản áp dụng

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, nếu có bổ sung hoặc sửa đổi các nội dung trong Quy định thì phải được Hiệu trưởng xem xét phê duyệt./.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Đình Tuấn



PHỤ LỤC
BẢNG ĐIỂM QUY ĐỔI TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH ĐẦU VÀO
 (Kèm theo Quyết định số ~~656~~ /QĐ-TĐHTPHCM ngày ~~06~~ tháng ~~5~~ năm 2019 của Hiệu trưởng
 Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

Phụ lục 1

SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM QUY ĐỔI		GHI CHÚ
		AV1	AV2	
100	500	10.0	10.0	
99	495	10.0	9.8	
98	490	10.0	9.6	
97	485	10.0	9.4	
96	480	10.0	9.2	
95	475	10.0	9.0	
94	470	10.0	8.8	
93	465	10.0	8.6	
92	460	10.0	8.4	
91	455	10.0	8.2	
90	450	10.0	8.0	Miễn học AV1 và AV2
89	445	9.8	7.5	
88	440	9.6	7.0	
87	435	9.4	6.8	
86	430	9.2	6.5	
85	425	9.0	6.3	
84	420	8.8	6.0	
83	415	8.6	5.8	
82	410	8.4	5.5	
81	405	8.2	5.3	
80	400	8.0	5.0	
79	395	7.5	4.9	
78	390	7.0	4.8	
77	385	6.8	4.7	
76	380	6.5	4.6	
75	375	6.3	4.5	
74	370	6.0	4.4	
73	365	5.8	4.3	
72	360	5.5	4.2	
71	355	5.3	4.1	
70	350	5.0	4.0	Miễn học AV1
69	345	4.9	3.9	
68	340	4.8	3.8	
67	335	4.7	3.7	
66	330	4.6	3.6	
65	325	4.5	3.5	
64	320	4.4	3.4	
63	315	4.3	3.3	
62	310	4.2	3.2	
61	305	4.1	3.1	
60	300	4.0	3.0	
59	295	3.9	2.9	
58	290	3.8	2.8	
57	285	3.7	2.7	

SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM QUY ĐỔI		GHI CHÚ
		AV1	AV2	
50	250	3.0	2.0	
49	245	2.9	1.9	
48	240	2.9	1.9	
47	235	2.8	1.8	
46	230	2.8	1.8	
45	225	2.7	1.7	
44	220	2.7	1.7	
43	215	2.6	1.6	
42	210	2.6	1.6	
41	205	2.5	1.5	
40	200	2.5	1.5	
39	195	2.4	1.4	
38	190	2.4	1.4	
37	185	2.3	1.3	
36	180	2.3	1.3	
35	175	2.2	1.2	
34	170	2.2	1.2	
33	165	2.1	1.1	
32	160	2.1	1.1	
31	155	2.0	1	
30	150	2.0	1	
29	145	1.9	0.9	
28	140	1.9	0.9	
27	135	1.9	0.9	
26	130	1.8	0.8	
25	125	1.8	0.8	
24	120	1.7	0.7	
23	115	1.7	0.7	
22	110	1.6	0.6	
21	105	1.6	0.6	
20	100	1.5	0.5	
19	95	1.5	0.5	
18	90	1.4	0.4	
17	85	1.4	0.4	
16	80	1.3	0.3	
15	75	1.3	0.3	
14	70	1.2	0.2	
13	65	1.2	0.2	
12	60	1.1	0.1	
11	55	1.1	0.1	
10	50	1.0	0.0	
9	45	0.9	0.0	
8	40	0.8	0.0	
7	35	0.7	0.0	



SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM QUY ĐỔI		GHI CHÚ
		AV1	AV2	
56	280	3.6	2.6	
55	275	3.5	2.5	
54	270	3.4	2.4	
53	265	3.3	2.3	
52	260	3.2	2.2	
51	255	3.1	2.1	

SỐ CÂU ĐÚNG	ĐIỂM TOEIC	ĐIỂM QUY ĐỔI		GHI CHÚ
		AV1	AV2	
6	30	0.6	0.0	
5	25	0.5	0.0	
4	20	0.4	0.0	
3	15	0.3	0.0	
2	10	0.2	0.0	
1	5	0.1	0.0	

Handwritten signature or initials



Phụ lục 2. BẢNG QUY ĐỔI CÁC LOẠI CHỨNG CHỈ TƯƠNG ĐƯƠNG SANG TOEIC

TOEIC	TOEFL Paper	TOEFL CBT	TOEFL IBT	IELTS	Cambridge Exam	CEFR	VEC Online Score	Approximate VEC Level
0 - 250	0 - 310	0 - 30	0 - 8	0 - 1.0			0 - 34	2
	310 - 343	33 - 60	9 - 18	1.0 - 1.5		A1	35 - 38	3
255 - 400	347 - 393	63 - 90	19 - 29	2.0 - 2.5		A1	39 - 45	4 - 5
	397 - 433	93 - 120	30 - 40	3.0 - 3.5	KET (IELTS 3.0)	A2	46 - 53	6 - 7
					PET (IELTS 3.5)	B1 (IELTS 3.5)		
405 - 600	437 - 473	123 - 150	41 - 52	4.0	PET	B1	54 - 57	8
	477 - 510	153 - 180	53 - 64	4.5 - 5.0	PET (IELTS 4.5)	B1 (IELTS 4.5)	58 - 65	9 - 10
					FCE (IELTS 5.0)	B2 (IELTS 5.0)		
605 - 780	513 - 547	183 - 210	65 - 78	5.5 - 6.0	FCE	B2	66 - 73	11 - 12
	550 - 587	213 - 240	79 - 95	6.5 - 7.0	CAE	C1	74 - 81	13 - 14
785 - 990	590 - 677	243 - 300	96 - 120	7.5 - 9.0	CPE	C2	82 - 100	15
Top Score	Top Score	Top Score	Top Score	Top Score	Top Score	Top Level	Top Score	Top Level
990	677	300	120	9	100	C2	100	15

Ghi chú:

- Trường hợp chứng chỉ A2 (CEFR / VSTEP) sẽ tương đương TOEIC 350
- Trường hợp chứng chỉ B1 (CEFR / VSTEP) sẽ tương đương TOEIC 450
- Trường hợp chứng chỉ B2 (CEFR / VSTEP) sẽ tương đương TOEIC 600 => 650



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN QUY ĐỔI ĐIỂM HỌC PHẦN ANH VĂN

Kính gửi: - Ban Giám hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Tp. HCM;
- Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục;
- Khoa Khoa học Đại cương.

Họ tên sinh viên:

Ngày sinh: Nơi sinh:

MSSV: Lớp:

Chuyên ngành: Khóa:

ĐTDD: Email:

Tôi viết đơn này kính đề nghị Ban Giám hiệu và Lãnh đạo các đơn vị Trường xem xét cho phép tôi được quy đổi điểm học phần Anh văn:

Hồ sơ gửi kèm:

- Tên chứng chỉ:
- Kết quả:

Tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của Trường về việc chuyển đổi điểm học phần Anh văn

Kính xin quý Nhà trường xem xét và giải quyết.

Trân trọng cảm ơn!

Tp. HCM, ngày tháng năm 20...

- Ngày nhận:

Người làm đơn

- Người nhận: